

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Thực hiện quy định tại Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016 về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP, ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Đắk Lắk thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:** Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-Chi nhánh Đắk Lắk. Địa chỉ: 35-37 Phan Chu Trinh, phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Tài sản đấu giá:** 17 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất tại các xã thuộc huyện Krông Bông (xã Cư Pui, xã Hòa Phong, xã Dang Kang, xã Cư Kty), các xã thuộc huyện Cư M'gar (xã Cư Dliê Mnông, xã Ea Kiết, xã Ea Mdróh, xã Ea Tul), tài sản là tài sản thế chấp được thu hồi để xử lý nợ của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

a) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 74, diện tích 21171,6 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm) tại xã Ea Tul, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 711217 cấp ngày 20/02/2017. Tài sản nằm xa khu dân cư, đường đi lại khó khăn. Giá khởi điểm: 546.000.000 đồng.

b) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11a, tờ bản đồ số 76, diện tích 5390 m<sup>2</sup> (đất màu), tại địa chỉ xã Ea Mdróh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 441707 cấp ngày 14/11/2001. Giá khởi điểm: 286.000.000 đồng.

c) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 70, diện tích 2550 m<sup>2</sup> (đất trồng cây hàng năm khác), tại địa chỉ xã Ea Mdróh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 398836 cấp ngày 23/08/2013. Giá khởi điểm: 77.000.000 đồng.

d) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 58, diện tích 4301,9 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ Buôn Cuôr, xã Ea Mdróh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 765265 cấp ngày 23/08/2016; và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 58, diện tích 5077,7 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ Buôn Cuôr, xã Ea Mdróh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 765266, sổ vào sổ cấp GCN: CH 02862 cấp ngày 23/08/2016. Giá khởi điểm: 441.000.000 đồng.

e) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 58, diện tích 6980,9 m<sup>2</sup> (đất trồng cây hàng năm khác), tại địa chỉ Buôn Cuôr, xã Ea Mdróh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 003882 cấp ngày 27/12/2016; và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 58, diện tích 2440,8 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ Buôn Cuôr, xã Ea Mdróh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử



dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 765264 cấp ngày 23/08/2016. Giá khởi điểm: 462.000.000 đồng.

g) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 266, tờ bản đồ số 29, diện tích 26794,4 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 684986 cấp ngày 25/4/2016. Giá khởi điểm: 911.000.000 đồng.

h) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 254, tờ bản đồ số 20, diện tích 13273 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ xã Cư Diê M'Nông, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 005285 cấp ngày 20/12/2018. Giá khởi điểm: 345.000.000 đồng.

i) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 4, diện tích 8169,1 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ Buôn Khanh, xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 968350 cấp ngày 07/08/2013; và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4, diện tích 4443,6 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), tại địa chỉ Buôn Khanh, xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 968351 cấp ngày 07/08/2013. Giá khởi điểm: 237.000.000 đồng.

j) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 98;99;164, tờ bản đồ số 34;29 diện tích 15048 m<sup>2</sup> (13047 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, 2001 m<sup>2</sup> 1 lúa), tại địa chỉ xã Dang Kang, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 551546 cấp ngày 24/11/2004. Giá khởi điểm: 305.000.000 đồng.

k) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 119a cũ (24 mới), tờ bản đồ số 18 cũ (82 mới), diện tích 1360 m<sup>2</sup>, tại địa chỉ xã Hòa Phong, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 311711 cấp ngày 07/12/1998. Giá khởi điểm: 62.000.000 đồng.

l) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 539, tờ bản đồ số 44, diện tích 4950,3 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ Buôn Cư Phiăng, Xã Hòa Phong, huyện Krông Bông, Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 792649 cấp ngày 04/09/2014. Giá khởi điểm: 97.000.000 đồng.

m) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 34, diện tích 3388,1 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm) tại địa chỉ Buôn Cư Phiăng, Xã Hòa Phong, huyện Krông Bông, Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 792650 cấp ngày 04/9/2014. Đất có lỗi đi chung do các hộ lân cận tự mở. Giá khởi điểm: 42.000.000 đồng.

n) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 104, tờ bản đồ số 5, diện tích 12166,2 m<sup>2</sup>, tại địa chỉ Buôn Khanh, xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 968223 cấp ngày 07/08/2013. Giá khởi điểm: 175.000.000 đồng

o) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 249, tờ bản đồ số 6, diện tích 8727,5 m<sup>2</sup>, tại địa chỉ Thôn 6, xã Cư Kty, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 298652 cấp ngày 18/09/2017. Giá khởi điểm: 202.000.000 đồng.

**3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 4.188.000.000đ** (Bốn tỷ một trăm tám mươi tám triệu đồng chẵn).

**4. Tiêu chí lựa chọn:** Như bảng kê chi tiết kèm theo.

**5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

a) Thời gian đăng ký: Từ ngày 29/11/2022 đến 17h30 ngày 01/12/2022 (Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc theo đường Bưu điện, hồ sơ gửi theo đường Bưu điện được tính theo dấu Bưu điện; trường hợp gửi trực tiếp thì nhận trong giờ làm việc)

b) Địa điểm nộp hồ sơ: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-Chi nhánh Đắk Lắk, địa chỉ: 35-37 Phan Chu Trinh, phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 02623.898888

Người đến nộp hồ sơ mang theo Giấy giới thiệu, chứng minh nhân dân, bản gốc hoặc bản sao có chứng thực để chứng minh tiêu chí chung. Không hoàn trả lại hồ sơ đối với những trường hợp không được lựa chọn.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Cổng TTĐT quốc gia về ĐGTS (để đăng tin);
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Văn Thoan**





**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
(Kèm theo thông báo số 806 /2022/TB-SBDL ngày 28 /11 /2022)

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | MỨC TỐI ĐA  |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I</b>   | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                              | <b>23,0</b> |
| <b>1</b>   | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>11,0</b> |
| 1.1        | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)                                                                                                                                                                                                                                         | 6,0         |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                                                                          | 5,0         |
| <b>2</b>   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>8,0</b>  |
| 2.1        | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                                                                                                              | 4,0         |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                         | 4,0         |
| <b>3</b>   | <b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>2,0</b>  |
| <b>4</b>   | <b>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</b>                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>1,0</b>  |
| <b>5</b>   | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>1,0</b>  |
| <b>II</b>  | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>22,0</b> |
| <b>1</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</b>                                                                                                                                                                                                                   | <b>4,0</b>  |
| <b>2</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                                     | <b>4,0</b>  |
| <b>3</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>4,0</b>  |
| <b>4</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>4,0</b>  |
| <b>5</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                     | <b>3,0</b>  |
| <b>6</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                  | <b>3,0</b>  |
| <b>III</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>45,0</b> |
| <b>1</b>   | <b>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</b> | <b>6,0</b>  |
| 1.1        | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,0         |
| 1.2        | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0         |
| 1.3        | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0         |
| 1.4        | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0         |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6,0  |
| 2   | <b>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</b><br>(01 điểm/02 cuộc)<br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</b>            | 18,0 |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch) (01 điểm/02 cuộc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 10,0 |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40% (01 điểm/02 cuộc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 12,0 |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70% (01 điểm/02 cuộc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 14,0 |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100% (01 điểm/02 cuộc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 16,0 |
| 2.5 | Từ 100% trở lên (01 điểm/02 cuộc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 18,0 |
| 3   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</b>                                                                                                                       | 5,0  |
| 3.1 | Dưới 03 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,0  |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0  |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0  |
| 4   | <b>So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0  |
| 4.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1,0  |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0  |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0  |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</b> | 4,0  |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0  |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,0  |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0  |
| 6   | <b>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0  |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2,0  |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0  |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0  |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5,0  |
| 7   | <b>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0  |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0  |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0  |
| 8   | <b>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,0  |



|                     |                                                                                                                                                                                                                   |                    |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| IV                  | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp<br><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>                                                                                          | 5,0                |
| 1                   | Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính                                                                                                                                                   | 3,0                |
| 2                   | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)       | 4,0                |
| 3                   | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | 5,0                |
| V                   | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (trong năm 2022 đã ký kết Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản giao dịch bảo đảm của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đắk Lắk)  | 5,0                |
| 1                   | Tính đến ngày chấm điểm, chưa có Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản nào được ký kết trong năm 2022                                                                                                                  | 0,0                |
| 2                   | Tính đến ngày chấm điểm, đã có Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã được ký kết trong năm 2022                                                                                                                     | 5,0                |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                   | <b>100</b>         |
| VI                  | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                          |                    |
| 1                   | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                              | Đủ điều kiện       |
| 2                   | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                        | Không đủ điều kiện |

**Ghi chú:**

1. Tài sản đấu giá cùng loại là tài sản đấu giá được quy định trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản, ví dụ: quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thuộc tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất bị kê biên theo pháp luật về thi hành án dân sự thuộc tài sản thi hành án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất thế chấp cho tổ chức tín dụng và được tổ chức tín dụng bán đấu giá theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thuộc tài sản bảo đảm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản.

2. Năm trước liền kề tại mục 1, mục 2, mục 6 và mục 8 Phần III Phụ lục I Thông tư này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

4. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản không được yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

